TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 639/2021/HNGĐ-ST
Ngày 06-5-2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai;

Bà Lê Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 347/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 1740/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Anh T, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Khong T M (Khong M T), sinh năm: 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 11/9/2020 và lời khai của nguyên đơn – ông Đỗ Anh T thì:

Ông và bà Khong T M (Khong M T) tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/6/2015, vào sổ đăng ký kết hôn số 1410, quyển số 08 ngày 08/6/2015. Sau khi kết hôn, Ông và Khong T M (Khong M T) chung sống tại Việt Nam một thời gian ngắn thì bà Khong T M (Khong M T) trở về Hoa Kỳ. Năm 2016, bà Khong T M (Khong M T) về Việt Nam khoảng ba tuần để làm thủ tục đưa Ông qua Hoa Kỳ chung sống với Bà nhưng không được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận. Sau đó, bà Khong T M

(Khong M T) trở về Hoa Kỳ sinh sống cho đến nay, Ông và bà Khong T M (Khong M T) chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại hoặc tin nhắn. Do thời gian không chung sống đã lâu, giữa Ông và bà Khong T M (Khong M T) phát sinh mâu thuẫn về quan điểm sống. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Ông khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Khong T M (Khong M T). Ông và bà Khong T M (K) không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Ông.

Theo Bản tự khai ngày 01/12/2020 của bị đơn – bà Khong T M (Khong M T), đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hoa Kỳ hợp pháp hóa lãnh sự ngày 10/12/2020 thì: Bà thống nhất với trình bày của ông Đỗ Anh T về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Bà đồng ý ly hôn ông Đỗ Anh T. Bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Bà.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự và những người tham gia tố tụng khác thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 2, Điều 37; Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên – Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/6/2015, vào sổ đăng ký kết hôn số 1410, quyển số 08 ngày 08/6/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Anh T với bà Khong T M (Khong M T) là hợp pháp. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Khong T M (Khong M T) và ông T là không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại hai người ở hai nước khó có thể đoàn tụ. Về phía bị đơn bà Khong T M (Khong M T) có văn bản gửi Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, thì bà Khong T M (Khong M T) cũng đồng ý ly hôn với ông T. Việc ông T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có cơ sở chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Đỗ Anh T và bà Khong T M (Khong M T) là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên – Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1, Điều 28; Khoản 2, Điều 37; Khoản 2, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Đỗ Anh T và bà Khong T M (Khong M T) vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đỗ Anh T và bà Khong T M (Khong M T).

[3] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/6/2015, vào sổ đăng ký kết hôn số 1410, quyển số 08 ngày 08/6/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Anh T và bà Khong T M (Khong M T) là hợp pháp. Theo trình bày thống nhất của hai bên đương sự thì trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; không quan tâm, chăm sóc nhau; tình cảm vợ chồng không còn nên ông Đỗ Anh T yêu cầu ly hôn bà Khong T M (Khong M T), bà Khong T M (Khong M T) cũng đồng ý ly hôn ông Đỗ Anh T. Căn cứ vào Khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì ông Đỗ Anh T và bà Khong T M (Khong M T) đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông Đỗ Anh T có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Đỗ Anh T và bà Khong T M (Khong M T) thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Đ a, Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì do ông Đỗ Anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn nên ông Đỗ Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1, Điều 28; Khoản 2, Điều 37; Khoản 2, Điều 38; Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 273 và Khoản 1, 2, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; Khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Ông Đỗ Anh T được ly hôn bà Khong T M (Khong M T).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Anh T phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0092744 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đỗ Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày đối với ông Đỗ Anh T và 01 (một) tháng đối với bà Khong T M (Khong M T) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho họ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự (02);
- Sở Tư pháp;
- Lưu: HSVA, VT (TM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Minh